

Số: 907/QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 11 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh  
trình độ đại học của Trường Đại học Kinh Bắc

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ vào Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 15/08/2020 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Phòng QLĐT và Khoa Kinh tế,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học của Trường Đại học Kinh Bắc gồm Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2021; là căn cứ để tổ chức, thực hiện, kiểm tra, thanh tra quá trình đào tạo.

**Điều 3.** Trưởng phòng QLĐT, Trưởng khoa Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT./.



TS. Nguyễn Văn Hòa

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 907/QĐ-ĐHKB ngày 09 tháng 11 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

Ngành đào tạo	: Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo	: Đại học
Mã ngành	: 7340101
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Thời gian đào tạo	: 3 - 4 năm
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân Quản trị kinh doanh

### I. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lãnh đạo, quản trị, điều hành và khởi sự các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

CTĐT nhằm đào tạo người học hình thành các năng lực cụ thể như sau:

**MT1:** Có kiến thức khoa học cơ bản về tư tưởng, chính trị, pháp luật để thực hiện tốt trách nhiệm công dân đối với đất nước và xã hội

**MT2:** Có kiến thức về các lý thuyết, mô hình, công cụ quản lý tổ chức/doanh nghiệp phù hợp với môi trường kinh doanh đương đại.

**MT3:** Có khả năng phân tích, đánh giá các xu hướng trong môi trường kinh doanh và đưa ra các điều chỉnh về chiến lược nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức/doanh nghiệp.

**MT4:** Có khả năng đánh giá hiệu quả các lĩnh vực hoạt động và vận dụng các lý thuyết, mô hình, công cụ quản lý tiên tiến nhằm nâng cao tính hiệu quả của tổ chức/doanh nghiệp.

**MT5:** Có tư duy hệ thống và tư duy phản biện, có năng lực thích ứng và năng lực liên văn hóa đáp ứng tốt với yêu cầu công việc.

**MT6:** Sử dụng tiếng Anh ở bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản.

### II. CHUẨN ĐẦU RA

#### 2.1. Về kiến thức

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 907/QĐ-ĐHKB ngày 09 tháng 11 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

Ngành đào tạo	: Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo	: Đại học
Mã ngành	: 7340101
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Thời gian đào tạo	: 3 - 4 năm
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân Quản trị kinh doanh

### I. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lãnh đạo, quản trị, điều hành và khởi sự các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

CTĐT nhằm đào tạo người học hình thành các năng lực cụ thể như sau:

**MT1:** Có kiến thức khoa học cơ bản về tư tưởng, chính trị, pháp luật để thực hiện tốt trách nhiệm công dân đối với đất nước và xã hội

**MT2:** Có kiến thức về các lý thuyết, mô hình, công cụ quản lý tổ chức/doanh nghiệp phù hợp với môi trường kinh doanh đương đại.

**MT3:** Có khả năng phân tích, đánh giá các xu hướng trong môi trường kinh doanh và đưa ra các điều chỉnh về chiến lược nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức/doanh nghiệp.

**MT4:** Có khả năng đánh giá hiệu quả các lĩnh vực hoạt động và vận dụng các lý thuyết, mô hình, công cụ quản lý tiên tiến nhằm nâng cao tính hiệu quả của tổ chức/doanh nghiệp.

**MT5:** Có tư duy hệ thống và tư duy phản biện, có năng lực thích ứng và năng lực liên văn hóa đáp ứng tốt với yêu cầu công việc.

**MT6:** Sử dụng tiếng Anh ở bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản.

### II. CHUẨN ĐẦU RA

#### 2.1. Về kiến thức

KT1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống và nghề nghiệp.

KT2: Giải thích các lý thuyết, nguyên lý và mô hình cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, luật pháp, và trách nhiệm xã hội.

KT3: Mô tả các xu hướng trong môi trường kinh doanh và tác động của chúng đến hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp.

KT4: Trình bày các công cụ hoạch định phù hợp trong xây dựng chiến lược và lập kế hoạch cho tổ chức/doanh nghiệp.

KT5: Vận dụng các kiến thức, mô hình, công cụ chuyên môn giải quyết các vấn đề

## **2.2. Về kỹ năng**

KN1: Áp dụng các công cụ và phương pháp hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch phù hợp với tổ chức/doanh nghiệp.

KN2: Lựa chọn kỹ năng quản lý, lãnh đạo phù hợp nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức/doanh nghiệp cũng như tạo động lực và cam kết đối với người lao động.

KN3: Áp dụng tư duy hệ thống, tư duy phản biện trong ra quyết định.

KN4: Giao tiếp ứng xử hiệu quả trong công việc.

KN5: Thích ứng được với thay đổi và yêu cầu mới trong công việc.

## **2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

TC1: Thể hiện khả năng học tập suốt đời, năng lực tự định hướng và thích nghi môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa.

TC2: Sẵn sàng đảm nhận và phối hợp thực hiện với độ cam kết cao, có trách nhiệm với bản thân, xã hội, và môi trường.

## **2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh, người học có thể đảm nhận những vị trí công việc như sau:

*VT1: Nhân viên/Chuyên viên*

Nhân viên, chuyên viên trong các lĩnh vực quản lý và chuyên môn của công ty nước ngoài, công ty liên doanh hoặc công ty Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan nhà nước ở các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác nhau.

*VT2: Khởi nghiệp:*

Khởi sự doanh nghiệp hoặc tham gia các doanh nghiệp khởi nghiệp.

*VT3: Nghiên cứu viên*

Hỗ trợ công tác nghiên cứu, tham gia các nhóm nghiên cứu về các lĩnh vực quản lý và chuyên môn của tổ chức/doanh nghiệp.

## **2.5. Ngoại ngữ - Tin học**

- Đạt chuẩn theo quy định kỹ năng sử dụng tin học theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT

- Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 123 tín chỉ (*không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN*)

**3.1. Thời gian đào tạo và khối kiến thức**

- Thời gian đào tạo: 3 - 4 năm
- Khối kiến thức: 123 tín chỉ

**3.2. Cấu trúc các khối kiến thức của chương trình giáo dục**

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>43</b>
1.1	Lý luận chính trị	13
1.2	Ngoại ngữ - Tin học	30
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>71</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	29
2.2	Kiến thức chuyên ngành	42
<b>3</b>	<b>Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp/HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>9</b>

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Đề án tuyển sinh đại học hàng năm của Trường Đại học Kinh Bắc.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Đào tạo theo học chế tín chỉ: Thực hiện theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Kinh Bắc.

**Điều kiện tốt nghiệp:** Kết thúc khóa học, sinh viên có đủ các điều kiện theo quy định của Trường Đại học Kinh Bắc được xét và công nhận tốt nghiệp.

**6. Cách thức đánh giá**

**6.1. Cách thức đánh giá chung toàn khóa**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D, tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

## **6.2. Cách thức đánh giá học phần**

*6.2.1. Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành học phần, tiểu luận, thảo luận)*

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: Điểm thi kết thúc học phần, điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) và điểm chuyên cần.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm quá trình: Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần, kiểm tra phần thực hành học phần, điểm tiểu luận.

- Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức độ hoàn thành những nhiệm vụ do giảng viên giao, cụ thể như sau:

Theo thời gian tham gia học tập trên lớp:

- Đi học đầy đủ số tiết và tít cực trong học tập: 10 điểm.
- Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
- Nghỉ học dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
- Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 30% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
- Nghỉ học từ 30% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
- Nghỉ học từ 50% số tiết trong chương trình trở lên được tính: 0 điểm.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

*6.2.2. Đối với các học phần thực hành*

- Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

### **GHI CHÚ:**

Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

- |                                  |                |
|----------------------------------|----------------|
| a) Loại đạt: A (8,5 - 10)        | Giỏi           |
| B (7,0 - 8,4)                    | Khá            |
| C (5,5 - 6,9)                    | Trung bình     |
| D (4,0 - 5,4)                    | Trung bình yếu |
| b) Loại không đạt: F (3,0 - 3,9) | Kém            |

### 6.2.3. Đối với học phần Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp

- Việc đánh giá khóa luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Hiệu trưởng ban hành.

- Điểm của khóa luận tốt nghiệp được chấm theo quy định tại trong Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc. Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

- Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên học phần thêm tương đương với số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp.

### 7. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Trong đó				Ghi chú
				LT	BT/TL	T.hành	Tự học	
<b>I</b>		<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>43</b>	<b>24</b>	<b>13</b>	<b>6</b>		
		<i>Lý luận chính trị</i>	<i>13</i>	<i>7</i>	<i>6</i>			
1	7114001	Triết học Mác-Lênin	3	2	1		90	
2	7114002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1	1		60	
3	7114003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	1		60	
4	7114004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1	1		60	
5	7114005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1		60	
6	7114006	Pháp luật đại cương	2	1	1		60	
		<i>Ngoại ngữ</i>	<i>21</i>	<i>14</i>	<i>7</i>			
7	7114007	Tiếng Anh căn bản 1	3	2	1		90	
8	7114008	Tiếng Anh căn bản 2	3	2	1		90	
9	7107001	Tiếng Anh kinh tế 1	3	2	1		90	
10	7107002	Tiếng Anh kinh tế 2	3	2	1		90	
11	7107003	Tiếng Anh kinh tế 3	3	2	1		90	
12	7114009	Tiếng Trung căn bản 1	3	2	1		90	
13	7114010	Tiếng Trung căn bản 2	3	2	1		90	
		<i>Tin học</i>	<i>9</i>	<i>3</i>		<i>6</i>		
14	7114011	Tin học đại cương	3	2		1	90	
15		<i>Tự chọn (2/3 học phần)</i>	<i>6</i>					
16	7107004	Tin học ứng dụng kinh tế 1 (*)	3	1		2	90	
17	7107005	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3	1		2	90	
18	7107006	Tin học ứng dụng kinh tế 2 (*)	3	1		2	90	
19	7114012	<i>Giáo dục thể chất</i>	<i>4</i>					

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Trong đó				Ghi chú
				LT	BT/TL	T.hành	Tự học	
20	7114013	Giáo dục QP-AN	Cấp chứng chỉ					
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>71</b>	<b>50</b>	<b>21</b>			
		<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	<b>29</b>	<b>21</b>	<b>8</b>			
		<i>Bắt buộc</i>	20	15	5			
21	7107007	Kỹ năng mềm và kỹ năng làm việc nhóm	3	2	1		90	
22	7107008	Kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn	2	2	0		60	
23	7107009	Lý thuyết thống kê (Nguyên lý thống kê)	3	2	1		90	
24	7107010	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	2	1		90	
	7107011	Lý thuyết Kế toán và kế toán doanh nghiệp	4	3	1		120	
26	7107012	Khoa học quản lý (Quản trị học)	3	2	1		90	
27	7107013	Luật kinh tế	2	2	0		60	
		<i>Tự chọn (3/8 học phần)</i>	9	6	3			
28	7107014	Kinh tế vĩ mô (*)	3	2	1		90	
29	7107015	Kinh tế vi mô (*)	3	2	1		90	
30	7107016	Toán cao cấp	3	2	1		90	
33	7107017	Kinh tế lượng	3	2	1		90	
34	7107018	Kinh tế công cộng	3	2	1		90	
35	7107019	Lý thuyết xác suất thống kê	3	2	1		90	
36	7107020	Lịch sử tư tưởng kinh tế	3	2	1		90	
37	7107021	Kiểm toán căn bản (*)	3	2	1		90	
		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	<b>42</b>	<b>29</b>	<b>13</b>			
		<i>Bắt buộc</i>	36	25	11			
38	7107022	Marketing căn bản	3	2	1		90	
39	7107023	Quản lý dự án và quản lý tài chính công	3	2	1		90	
40	7107024	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	3	2	1		90	
41	7107025	Chiến lược kinh doanh	3	2	1		90	
42	7107026	Quản lý rủi ro và quản lý khủng hoảng	4	3	1		120	



TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Trong đó				Ghi chú
				LT	BT/TL	T.hành	Tự học	
43	7107027	Tổ chức <i>bộ máy</i> và quản lý nhân lực	4	3	1		120	
44	7107028	Quản lý sản xuất và tác nghiệp	3	2	1		90	
45	7107029	Kế toán quản trị	3	2	1		90	
46	7107030	Nghề giám đốc và kỹ năng lãnh đạo	3	2	1		90	
47	7107031	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1		90	
48	7107032	Đạo đức kinh doanh và xây dựng văn hóa doanh nghiệp	4	3	1		120	
		<i>Tự chọn (2/3 học phần)</i>	6	4	2			
51	7107033	Quản lý công nghệ và quản lý chất lượng (*)	3	2	1		90	
52	7107034	Thị trường chứng khoán (*)	3	2	1		90	
53	7107035	Giao tiếp kinh doanh	3	2	1		90	
<b>III</b>		<b>Kiến thức tốt nghiệp</b>	<b>9</b>					
54	7107036	Thực tập tốt nghiệp	3				90	
55	7107037	Khóa luận hoặc môn học thay thế	6				180	
56	7107038	<i>Thương mại điện tử</i>	3	2		1	90	
57	7107039	<i>Tâm lý kinh doanh và Kỹ năng bán hàng</i>	3	2		1	90	

## 8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

### Học kỳ 1: 17 tín chỉ

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa Cơ bản
2	Pháp luật đại cương	2	Khoa Luật & QLNN
3	Tiếng Anh căn bản 1	3	Khoa Ngôn ngữ
4	Khoa học quản lý	3	Khoa Kinh tế
5	Lý thuyết thống kê (NLKT)	3	Khoa Kinh tế
	<i>Tự chọn (1/2 học phần)</i>		
6	Kinh tế vĩ mô	3	Khoa Kinh tế
	<i>Kinh tế công cộng</i>	3	<i>Khoa Kinh tế</i>
7	<i>Giáo dục QP-AN</i>		<i>Khoa Cơ bản</i>

### Học kỳ 2: 16 tín chỉ

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa Cơ bản
2	Tiếng Anh căn bản 2	3	Khoa Ngôn ngữ
3	Kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn	2	Khoa Kinh tế
4	Tin học ứng dụng	3	Khoa CNTT&ĐTVT
6	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	Khoa Kinh tế
	<i>Tự chọn (1/2 học phần)</i>		
5	Kinh tế vi mô	3	Khoa Kinh tế
	<i>Lịch sử tư tưởng kinh tế</i>	3	<i>Khoa Kinh tế</i>

### Học kỳ 3: 15 tín chỉ

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Marketing căn bản	3	Khoa Kinh tế
2	Lý thuyết kế toán và kế toán doanh nghiệp	4	Khoa Kinh tế
3	Luật kinh tế	2	Khoa Kinh tế
4	Tiếng Anh kinh tế 1	3	Khoa Kinh tế
	<i>Tự chọn (1/2 học phần)</i>		
5	Tin học ứng dụng kinh tế 1	3	Khoa Kinh tế
	<i>Kỹ năng soạn thảo văn bản</i>	3	<i>Khoa Kinh tế</i>
6	GDTC	2	Khoa Cơ bản

**Học kỳ 4: 17 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Kế toán quản trị	3	Khoa Kinh tế
2	Quản trị dự án và quản lý tài chính công	3	Khoa Kinh tế
3	Tiếng Anh kinh tế 2	3	Khoa Kinh tế
4	Tiếng Trung căn bản 1	3	Khoa Cơ bản
	<i>Tự chọn (1/3 học phần)</i>		
5	Toán cao cấp	3	Khoa Cơ bản
	<i>Kinh tế lượng</i>	3	<i>Khoa Kinh tế</i>
	<i>Lý thuyết xác suất thống kê</i>	3	<i>Khoa Cơ bản</i>
	<i>Kiểm toán căn bản</i>	3	<i>Khoa Kinh tế</i>
6	GDTC	2	Khao Cơ bản

**Học kỳ 5: 18 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	3	Khoa Kinh tế
2	Chiến lược kinh doanh	3	Khoa Kinh tế
3	Quản trị rủi ro và quản trị khủng hoảng	4	Khoa Kinh tế
4	Tiếng Anh kinh tế 3	3	Khoa Kinh tế
5	Tiếng Trung căn bản 2	3	Khoa Cơ bản

**Học kỳ 6: 16 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Tổ chức quản lý và quản lý nhân lực	4	Khoa Kinh tế
2	Tin học ứng dụng kinh tế 2	3	Khoa Kinh tế
3	Quản lý sản xuất và tác nghiệp	3	Khoa Kinh tế
4	Nghề giám đốc và kỹ năng lãnh đạo	3	Khoa Kinh tế
5	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	Khoa Kinh tế

**Học kỳ 7: 15 tín chỉ**

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Đạo đức kinh doanh và xây dựng văn hóa doanh nghiệp	4	Khoa Kinh tế
2	Kỹ năng mềm và kỹ năng làm việc nhóm	3	Khoa Kinh tế
	<i>Tự chọn (2/3 học phần)</i>		
3	Quản lý công nghệ và quản lý chất lượng	3	Khoa Kinh tế
4	Thị trường chứng khoán	3	Khoa Kinh tế
	<i>Giao tiếp kinh doanh</i>	3	<i>Khoa Kinh tế</i>

## Học kỳ 8: 9 tín chỉ

TT	Học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1	Thực tập tốt nghiệp	3	
2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc 02 học phần thay thế	6	
	<i>Thương mại điện tử</i>	3	
	<i>Tâm lý kinh doanh và Kỹ năng bán hàng</i>	3	

9. **Mối quan hệ giữa học phần và chuẩn đầu ra** (*Phụ lục kèm theo*)

10. **Đề cương chi tiết học phần** (*Phụ lục kèm theo*)

### 11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Áp dụng phương pháp dạy - học tích cực lấy **Hiệu quả đào tạo** làm trung tâm. Coi trọng chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

#### **Giờ lý thuyết**

a) Nhiệm vụ của giảng viên

- Xây dựng đề cương học phần theo đúng hướng dẫn;
- Xác định những mục tiêu cụ thể cần đạt được sau mỗi bài học: mục tiêu nhận thức thuộc kiến thức, kỹ năng về học phần, rèn luyện các kỹ năng tư duy bậc cao (phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề) các kỹ năng nhận thức cơ bản (nghe, nói, đọc, viết, ...). Những mục tiêu này đã được thiết kế trong đề cương học phần và được cụ thể hóa vào quy trình kiểm tra - đánh giá đối với bài học;
  - Chuẩn bị các câu hỏi để hỏi sinh viên ở trên lớp, các bài tập, bài kiểm tra trên lớp và các tiêu chí đánh giá;
  - Xác định các nội dung tự học và cách học cho sinh viên để hoàn thành khối lượng kiến thức theo yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ, các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, các loại tài liệu phải đọc, phải tìm kiếm bổ sung để sinh viên chuẩn bị cho thảo luận trên lớp;
  - Xây dựng, thu thập, phân loại, hướng dẫn sử dụng các học liệu/tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên;
  - Xây dựng kịch bản cho một giờ lên lớp bao gồm:
    - + Xác định thời gian, chủ đề, nội dung, yêu cầu cho giờ lên lớp lý thuyết;
    - + Cụ thể hoá phần nội dung giảng viên trình bày;
    - + Giới thiệu mục tiêu của bài học và các yêu cầu cần thực hiện;
    - + Trình bày cấu trúc nội dung dạy học và logic các đơn vị kiến thức của bài giảng;
    - + Lựa chọn và chuyển tải nội dung trình bày trên lớp, nội dung cốt lõi cần trình bày. Phần nội dung cốt lõi của bài học: Thời gian dạy lý thuyết không quá 60% của tiết học; thời gian hướng dẫn tự học không ít hơn 30%; thời gian "tương

tác" với người học không ít hơn 30%; thời gian "kiểm chứng" mức độ sinh viên nắm được mục tiêu và nhiệm vụ của bài học không ít hơn 10% thời lượng của tiết học/bài học);

- + Nội dung, vấn đề để sinh viên trình bày và thảo luận trên lớp;
- + Nội dung, vấn đề sinh viên cần giải quyết khi làm việc theo nhóm ...
- Hướng dẫn cách học cho sinh viên để hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ: các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó;

- Hướng dẫn, đánh giá sinh viên thảo luận, làm bài tập trên lớp.

b) Nhiệm vụ của sinh viên

- Lập kế hoạch chi tiết để thực hiện tất cả các nhiệm vụ đối với từng giờ học mà giảng viên giao: tìm, đọc, ghi chép những tài liệu liên quan, hoàn thành bài tập, chuẩn bị bài trình bày tại các buổi thảo luận, chuẩn bị các nội dung làm việc theo nhóm, các vấn đề cần hỏi để trao đổi với giảng viên, ôn bài, đọc bài mới, ...;

- Thực hiện thật tốt kế hoạch chi tiết nói trên để tích lũy được kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu từng bài học;

- Trước khi đến lớp: xem xét lại việc hoàn thành kế hoạch học tập của mình để chắc chắn đã hoàn thành "khối lượng kiến thức" mà giảng viên đã yêu cầu hoặc các vấn đề cần trao đổi nhằm giải đáp những khúc mắc, chưa rõ;

- Ghi chép trên lớp cho được các mục sau:

- + Mục tiêu của bài học và cấu trúc của nội dung bài học;

- + Những kiến thức cốt lõi của bài học định hướng tư duy và cho việc lập kế hoạch hoàn thành "khối lượng kiến thức" theo yêu cầu;

- + Các hướng dẫn của giảng viên cho sinh viên tự học (ví dụ học liệu nào, ở đâu, địa chỉ cụ thể của các kiến thức cần tìm, cách xử lý các kiến thức đó để hoàn thành mục tiêu bài học).

### **Giờ thảo luận**

a) Nhiệm vụ của giảng viên

- Lựa chọn và giao các nội dung, các vấn đề, yêu cầu, tài liệu tham khảo để từng nhóm hoặc từng sinh viên chuẩn bị và trình bày tại từng buổi thảo luận. Chỉ rõ các địa chỉ thông tin để sinh viên có thể tìm được và hoàn thành nhiệm vụ được giao;

- Soạn kịch bản về các vấn đề cần thảo luận cho từng buổi thảo luận;

- Tham dự, hướng dẫn, đạo diễn, nhận xét và tổng kết thảo luận. Giảng viên cần khẳng định những nội dung đúng, sửa chữa những nội dung chưa đúng hoặc "chốt" nội dung của vấn đề, dùng nó như một phương tiện để chuyển tải nội dung cốt lõi của chủ đề thảo luận;

- Đánh giá, cho điểm phần chuẩn bị trình bày, thảo luận của từng nhóm hoặc từng sinh viên và tích lũy vào kết quả cuối của học phần.

#### b) Nhiệm vụ của sinh viên

- Nhận nội dung, vấn đề nghiên cứu, mở rộng, đi sâu vào bản chất, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, chuẩn bị bài trình bày theo sự phân công và hướng dẫn của giảng viên;

- Trình bày báo cáo theo phân công;

- Theo dõi, bổ sung, góp ý bài trình bày của các bạn cùng lớp, hoàn chỉnh bài trình bày đó hoặc của mình;

- Hỏi, đối thoại, tranh luận những vấn đề đã trình bày tại buổi thảo luận;

- Theo dõi sự nhận xét, tổng kết của giảng viên để hoàn chỉnh bài trình bày tại buổi thảo luận;

- Sắp xếp tài liệu có được sau từng buổi thảo luận theo kế hoạch nghiên cứu, học tập của bản thân để dễ sử dụng cho các mục đích khác như làm bài tập nhóm, bài tập lớn học kỳ, kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ....

#### **Giờ hoạt động theo nhóm**

##### a) *Nhiệm vụ của giảng viên*

- Lựa chọn và giao các nội dung, các vấn đề, công việc và các yêu cầu liên quan cho các nhóm sinh viên thực hiện, nguồn tài liệu tham khảo tối thiểu, ...

- Xây dựng và giao mẫu báo cáo bài tập nhóm/tháng và giải thích yêu cầu hoàn thành báo cáo (thông qua trợ giảng, nếu có);

- Thông báo thời gian nộp báo cáo và thời gian nhận thông tin phản hồi từ phía giảng viên;

- Đánh giá kết quả làm việc theo nhóm sinh viên và tích lũy vào kết quả đánh giá cuối cùng của học phần.

##### b) *Nhiệm vụ của sinh viên*

- Nhận nhiệm vụ, thời hạn hoàn thành, mẫu báo cáo hoạt động theo nhóm;

- Nhóm trưởng lên kế hoạch phân công (bằng văn bản) cho từng thành viên với nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, nguồn tài liệu tham khảo, lịch họp nhóm theo kế hoạch. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ đặt ra của buổi thảo luận nhóm hay bài thực hành, triển khai kế hoạch mà bản thân đã dự kiến, chuẩn bị trước, xem xét kết quả đạt được so với mục tiêu đặt ra;

- Nhóm trưởng lập báo cáo, thông qua toàn nhóm trước khi nộp cho giảng viên. Xem xét lại những gì đã thu nhận được và tóm tắt lại kết quả chính các buổi hoạt động theo nhóm cho bản thân và lưu giữ phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ.

#### **Giờ thực hành, thực tập, thí nghiệm**

Loại hoạt động này chỉ áp dụng cho những học phần có yêu cầu trong chương trình đào tạo.

##### a) *Nhiệm vụ của giảng viên*

- Giảng viên dạy thực hành (nếu có) kết hợp với giảng viên dạy lý thuyết cùng chuẩn bị kịch bản cho từng buổi hướng dẫn thực hành, thực tập, thí nghiệm

theo yêu cầu từng học phần, trong đó có nêu các vấn đề về an toàn lao động liên quan;

- Xây dựng và giao cho sinh viên chuẩn bị nội dung, vấn đề trước khi triển khai thực hành, thực tập, thí nghiệm;

- Chỉ đạo hoặc/và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sinh viên làm thực hành, thực tập, thí nghiệm;

- Hướng dẫn sinh viên làm thực hành, thực tập, thí nghiệm;

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hành, thực tập, thí nghiệm của sinh viên.

#### *b) Nhiệm vụ của sinh viên*

- Hoàn thành công tác chuẩn bị cho thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu của giảng viên, đề xuất vấn đề, câu hỏi cần hỏi giảng viên;

- Làm các bài thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu học phần và hướng dẫn của giảng viên. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn lao động;

- Viết báo cáo thực hành, thực tập, thí nghiệm và nộp cho giảng viên đúng hạn;

- Hoàn chỉnh báo cáo thực hành, thực tập, thí nghiệm theo góp ý, đánh giá của giảng viên.

### **Tự học, tự nghiên cứu**

#### *a) Nhiệm vụ của giảng viên*

- Xác định và giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên: Chọn trong chương trình học phần những nội dung, vấn đề (ngoài những nội dung, vấn đề đã được thảo luận tại lớp, hoạt động theo nhóm) và chỉ rõ mục đích, yêu cầu, cách thức thực hiện để giao cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu. Liệt kê đủ chi tiết các công việc sinh viên phải làm;

- Biên soạn các tiêu chí đánh giá, xác định thời gian nộp báo cáo kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên và thông báo cho sinh viên ngay khi giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu;

- Cung cấp tài liệu và giới thiệu địa chỉ tìm tài liệu tối thiểu sinh viên cần đọc, nghiên cứu. Hướng dẫn cách thức tìm kiếm, xử lý thông tin khi tự học, tự nghiên cứu (chỉ rõ cách tìm kiếm theo cấu trúc kiến thức của bài học, cụ thể đến từng chương, mục, trang, ... của các học liệu thông qua các phiếu học tập phát cho sinh viên trong giờ lên lớp của bài học đó);

- Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc dễ dàng và nhận các tư vấn cần thiết;

- Đánh giá, nhận xét kết quả tự học, tự nghiên cứu, tận dụng thời gian trả bài như một giờ giải đáp và sửa lỗi cho sinh viên;

- Đánh giá kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên và tích lũy kết quả cuối cùng của học phần.

#### *b) Nhiệm vụ của sinh viên*

- Nhận và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu mà giảng viên giao (nhà trường khuyến khích sinh viên nghiên cứu mở rộng hơn những nội dung và vấn đề được giao);
- Thực hiện thật tốt kế hoạch nói trên (mạnh dạn liên hệ với giảng viên để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề đang tự học, tự nghiên cứu);
- Viết báo cáo thu hoạch theo các tiêu chí đánh giá của giảng viên, tranh thủ những ý kiến góp ý của bạn, tư vấn của giảng viên trước khi nộp bài;
- Hệ thống hóa, lưu giữ tài liệu, kết quả tự học, tự nghiên cứu thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng sau này.

**Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo**

+ *Đội ngũ giảng viên*

- Giảng viên giảng dạy phải có đủ điều kiện tiêu chuẩn giảng viên theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.
- Giảng dạy lý thuyết, thực hành và thảo luận do giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng thực hiện.

+ *Cơ sở vật chất*

Cơ sở đào tạo phải đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như giảng đường, thư viện, phòng thực tập, thực hành, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tích cực, phòng máy tính có kết nối internet.

**KHOA KINH TẾ  
TRƯỞNG KHOA**



**TS. Nguyễn Thế Khải**

**HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Văn Hòa**